

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/DS-ST.

Ngày: 31/03/2026

V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Bùi Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 và ngày 31 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số, cấp ngày 09/01/2022

Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc M, sinh ngày 30/10/1970, là người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn theo văn bản ủy quyền lập 24/9/2025. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh ngày 01/01/1958 (vắng mặt)

Căn cước công dân số

Địa chỉ: khu V, phường M, thành phố Cần Thơ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

A, sinh ngày 01/01/1981 (Có mặt)

Căn cước công dân số, cấp ngày 09/08/2021

Địa chỉ: khu V, phường M, thành phố Cần Thơ

2/ Chị Quách Thị Bé B, sinh ngày 01/01/1982 (vắng mặt)

Căn cước công dân số

Địa chỉ: khu V, phường M, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/09/2025, quá trình tố tụng cũng như tại các phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc M trình bày:

Ông Nguyễn Văn T có bán lúa giống cho ông Quách Văn Q qua 3 vụ đông xuân năm 2022, 2023, 2024, tổng số tiền ông Q thiếu ông T là 1.392.000.000 đồng. Ngày 06/10/2024 ông T và ông Q có ngòì lại tất toán tiền ông Q nợ thì ông Q không có tiền trả ông T. Nên ông Q đã làm giấy thế chấp tài sản cho ông T. Trong giấy ông Q có cam kết nếu hết vụ đông xuân năm 2024-2025 mà ông Q không có tiền trả nợ cho ông T thì ông Q sẽ cắt bằng khoáng cho ông T diện tích 1.200m² (ngang 13m dài 90m). Đến hết thời gian cam kết nhưng ông Q vẫn không thực hiện việc ông đã cam kết với ông T. Ông T và ông Q vẫn thường xuyên liên lạc với nhau bằng điện thoại, nhắn tin, qua zalo có photo kèm theo. Ngày 28/3/2025 được tin ông Q chết, ông T có đi đám ma của ông Q. Sau đó ngày 05/4/2025 ông có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường C1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, nhờ chính quyền giúp ông T ngăn chặn số đất mà ông Q đã thế chấp cho ông T không được phép biến động. Nhưng qua nhiều lần ông T có đến nhà ông Q gặp vợ ông Q là bà T1, để nói với bà T1 hỗ trợ giúp ông T việc cắt chuyển nhượng phần đất qua cho ông T. Nhưng lần nào bà T1 cũng kêu ông T đi kiện.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông T yêu cầu buộc bà Trần Thị T1 là vợ ông Q cùng với anh Quách Xuân M1 và chị Quách Thị B1 Ba là các con ông Q và bà T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền 1.392.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu đồng). Nếu bà T1 không trả được số tiền trên cho ông thì buộc bà T1, anh M1, chị B1 Ba cắt 1.200m² (ngang 13m, dài 90m) tại khu vực V, phường M, thành phố Cần Thơ cho ông T để trừ đi khoản nợ nêu trên theo lời hứa của ông Q. Tại phiên tòa bà M đại diện cho nguyên đơn yêu cầu phần cắt đất là sau khi bà T1 và các con ông Q không trả tiền thì sẽ yêu cầu thi hành án.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc M yêu cầu bà Trần Thị T1 là vợ ông Q cùng với anh Quách Xuân M1 và chị Quách Thị B1 Ba trả thêm phần lãi suất cho ông T. Ông T yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ 1.392.000.000 đồng từ ngày 28/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/03/2026, thời gian 01 năm, mức lãi suất 1%/tháng, số tiền lãi được tính là 167.040.000 đồng.

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Xuân M1 có những ý kiến trình bày như sau:

Ông là con ruột của ông Quách Văn Q và bà Trần Thị T1, cha mẹ ông còn một người con chung nữa là chị Quách Thị Bé B. Cha ông hiện nay đã chết. Ông bà

nội của ông thì đã chết trước cha ông rất lâu. Cha ông trước đây là Chủ nhiệm Hợp tác xã V, trước khi chết cha ông vẫn còn hoạt động Hợp tác xã Vĩnh Tiền nhưng về giấy tờ của Hợp tác xã thì ông không biết. Do ông hiện nay đã có gia đình sống riêng, sống gần với nhà cha mẹ ông. Nhà mẹ ông thì đang sống chung với người em gái là Bé Ba. Khi cha ông còn sống thì ông và mẹ ông đều không biết đến khoảng tiền thiếu nợ ông Nguyễn Văn T, sau khi cha ông chết thì ông không T và bà M có đến nhà ông đưa các giấy tờ nhận nợ của cha ông ra xem thì gia đình ông mới biết. Cha ông làm chủ nhiệm Hợp tác xã V nên khi viết giấy thế chấp tài sản lập ngày 06/10/2024 trong nội dung thì cha anh để là đại diện cho Hợp tác xã nên khoảng nợ của ông T là không có liên quan đến gia đình anh, khi cha anh làm Hợp tác xã thì cũng không có đem tiền về để dùng chi sinh hoạt thiết yếu trong gia đình, với lại khoảng nợ ông T là cha anh nhận nợ thay các ông Bùi Văn H, Nguyên Duy K và Đinh Hoàng N, cho nên không có liên quan đến gia đình anh. Anh thừa nhận giấy thế chấp tài sản lập ngày 06/10/2024 thì đúng là chữ viết và chữ ký của cha anh dưới mục người thế chấp nhưng có hai màu mực, với số tiền ghi bằng chữ số là đến 13.920.000.000 đồng, còn số tiền ghi bằng chữ chỉ có một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu đồng nó không khớp nhau. Anh cũng thừa nhận cha anh có ký tên vào giấy nhận nợ lập ngày 11/05/2023; còn giấy nhận nợ lập ngày 17/04/2024 thì anh không xác định được có phải chữ ký và chữ viết của cha anh không nhưng anh cũng không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết gì hết.

Anh cũng như mẹ anh là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc mẹ anh cùng hai anh em của anh trả số tiền mua bán lúa giống của Hợp tác xã còn nợ 1.392.000.000 đồng cùng với lãi suất với các lý do số tiền nợ này là nợ của Hợp tác xã, trong giấy thế chấp thì cha anh cũng nêu rõ nhận nợ dùm cho ba người trong giấy; cha anh làm hợp tác xã không có đem tiền về để phục vụ chi phí thiết yếu sinh hoạt trong gia đình; cha anh chết để lại tài sản đã phân chia thì hành án để trả nợ cho một số chủ nợ trước nên không còn tài sản để trả nợ cho ông T nữa.

3/ Bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quách Thị Bé B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có lời trình bày gửi đến Tòa án.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn tham gia phiên tòa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Xuân M1 tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị B1 Ba vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai

không có lý do chính đáng là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu đối với tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn bà Trần Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Xuân M1 và chị Quách Thị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ mua bán là 1.392.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu đồng) trong phạm vi di sản mà ông Quách Văn Q chết để lại. Còn về lãi suất vượt quá yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung không chấp nhận xem xét về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại các phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện bị đơn bà Trần Thị Thu địa C khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T thay cho ông Quách Văn Q đã chết số tiền mua bán lúa giống còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 14 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; Bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quách Thị B1 Ba vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung thêm tính lãi suất của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Tại các phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà M yêu cầu bị đơn bà T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M1, chị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông T tiền lãi suất trên số nợ gốc 1.392.000.000 đồng, mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 28/3/2025 đến ngày xét xử hôm nay 31/3/2026 là 12 tháng, số tiền lãi là 167.040.000 đồng. Nhận thấy, theo đơn khởi kiện lập ngày 24/09/2025 nguyên đơn ông T không có yêu cầu về lãi suất và quá trình tố tụng trước khi công khai chứng cứ nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện bổ sung nên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu về lãi suất là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M1, chị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ mua bán cho ông T là 1.392.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M1 xác định khoản nợ 1.392.000.000 đồng là nợ riêng của cha anh (ông Quách Văn Q) đại diện cho Hợp tác xã V nhận nợ thay các ông H, ông K, ông N, không có liên quan đến gia đình anh và cha anh chết cũng đã không còn để lại di sản gì, tài sản đã phân chia thi hành án để trả nợ cho các chủ nợ khác nên anh và mẹ anh (bà T1), em anh (Bé Ba) không đồng ý trả nợ cho ông T. Bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bé B không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông T có cung cấp cho Tòa án các chứng cứ gồm:

+ Giấy nhận nợ lập ngày 11/05/2023 có nội dung “Tôi tên *Quách Văn Q* hiện ở khóm V, P - TX N. ST tôi có thiếu tiền nợ 1.089.000.000 từ ngày 15/05/2023 với số tiền 1.089.000.000 viết bằng chữ một tỷ không trăm tám mươi chín triệu tôi hẹn với ông *Nguyễn Văn T* đến ngày 15/05/2023 sẽ lo trả số tiền nợ nêu trên có ký người thiếu nợ. Từ nay đến ngày 15 tôi sẽ trả 200.000.000 đồng phần còn lại sẽ trả trong thời gian 1 tháng đến 6 tháng sẽ thanh toán đủ khoản nợ nói trên có chữ ký và ghi rõ họ tên *Quách Văn Q* dưới mục người thiếu nợ”; Được anh Quách Xuân M1 là con ông Quách Văn Q thừa nhận là đúng chữ ký và chữ viết của ông Q trong giấy nhận nợ.

+ Giấy nhận nợ lập ngày 17/4/2024 có nội dung “Tôi tên *Quách Văn Q* hiện ở khóm V, P - TX N. ST tôi có thiếu tiền nợ 1.368.920.000 với số tiền một tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu chín trăm hai chục ngàn.... Tôi hẹn với ông *Nguyễn Văn T* đến ngày 25/04/2024 sẽ một số sẽ lo trả số tiền nợ nêu trên một số.... có chữ ký và ghi rõ họ tên *Quách Văn Q* dưới mục người thiếu nợ.....Tổng 1368920000 + 25.000.000 thời gian khoảng ngày 25/4/2024 sẽ trả 300.000.000 triệu đồng, còn lại tính tiếp khi sang đất hoặc thu hồi công nợ của 4 người thiếu trên có chữ ký và ghi họ tên *Quách Văn Q* dưới mục người hẹn”. Được anh Minh xác N1 không xác định rõ chữ ký và chữ viết của ông Q nhưng không có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Q.

+ Giấy tạm thế chấp tài sản lập ngày 06/10/2024 có nội dung “Tôi tên *Quách Văn Q* sinh 16/11/1958 hộ khẩu thường trú khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Vào vụ ĐX 2022-2023-2024 tôi có đại diện cho Hợp tác xã đóng bao lúa giống ST cho anh *Nguyễn Văn T* quê quán Kiên Giang và tôi có hợp đồng mua của anh T công nợ và giao cho các ông như sau: 1 *Bùi Văn H*.... 2 *Nguyễn Duy K1*.... 3 *Đình Hoàng N*...và tôi có nhận lãnh số tiền của ba người nói trên, nhằm để hỗ trợ đầu ra lúa giống cho anh T, đồng thời tôi cũng nhận các khoản đóng bao hoa hồng cho tôi.....với tổng số tiền là 1.3920.000.000

đồng (một tỷ ba trăm triệu chín trăm hai chục) cho nên tôi phải ký nợ cho anh Nguyễn Văn T cho đến nay và tôi cũng có gửi đơn khởi kiện 1 B N Đ.....Tôi làm giấy tạm thời thế chấp thửa đất của tôi cặp quản lộ Phụng Hiệp...với diện tích 1.200m² có chiều ngang 13m chiều dài 90m.... có chữ ký và ghi họ tên Quách Văn Q dưới mục người viết thế chấp” Được anh Quách Xuân M1 thừa nhận là chữ ký và chữ viết của ông Quách Văn Q.

[4.2] Qua những chứng cứ nguyên đơn cung cấp, được con bị đơn thừa nhận một số giấy tờ nêu trên thì Hội đồng xét xử xác định ông Q còn nợ ông T số tiền mua bán là 1.392.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu đồng). Số tiền này trong Giấy tạm thế chấp tài sản lập ngày 06/10/2024 ông Q thừa nhận là nhận nợ thay những người khác và ông Q cũng đã thực hiện khởi kiện ba người mà ông nhận nợ thay. Tại phiên tòa thì anh M1 xác định nợ ông T là nợ của Hợp tác xã nhưng không có giấy tờ gì về hợp tác xã để cung cấp cho Tòa án, cũng không đưa ra chứng cứ khác chứng minh nợ ông T là của Hợp tác xã, phía người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không thừa nhận đây là nợ của Hợp tác xã và trong giấy tạm thế chấp tài sản thì cũng thể hiện rõ ông Q viết là nhận nợ thay người khác khi họ nhận lúa giống và cũng đã thực hiện việc khởi kiện họ để đòi tiền cho nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ của cá nhân ông Q. Khi ông Q chết còn nghĩa vụ phải thực hiện thì căn cứ vào Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 những người thừa kế của ông Q phải thực hiện nghĩa vụ thay cho ông Q trong phạm vi di sản mà ông Q chết để lại. Tại phiên tòa anh M1 cho rằng khi ông Q chết gia đình không có phân chia di sản do di sản đã dùng để trả hết những khoản nợ theo những bản án, quyết định trước đó hết nên không đồng ý trả nợ cho ông T. Tuy nhiên, theo như vừa phân tích thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Q phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trong phạm vi di sản mà ông Q chết để lại. Nên ông T khởi kiện các đồng thừa kế của ông Q gồm vợ là bà T1 cùng hai người con là chị Bé B và anh M1 cùng có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ của người chết (ông Q) để lại trong phạm vi di sản của ông Q là phù hợp quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cho nên cần buộc bà T1, anh M1, chị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền 1.392.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông Q chết để lại.

[4.3] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu bà T1, anh M1, chị Bé B cắt diện tích 1.200m² nếu trường hợp không có tiền để trả nợ thì tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng yêu cầu này sẽ thực hiện tại giai đoạn thi hành án. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ và không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn ông T không phải chịu án phí và ông T thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét về việc tạm ứng án phí.

Còn bà T1 và anh M1, chị B1 Ba cùng liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 53.760.000 đồng cũng trong phạm vi di sản mà ông Q chết để lại.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Xuân M1, chị Quách Thị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ mua bán.

2/ Buộc bà Trần Thị T1, anh Quách Xuân M1, chị Quách Thị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ mua bán là 1.392.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông Quách Văn Q chết để lại.

3/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

+ Bị đơn bà Trần Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Xuân M1, chị Quách Thị B1 Ba cùng có trách nhiệm liên đới trả phải chịu án phí số tiền 53.760.000 đồng (Năm mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), trong phạm vi di sản của ông Quách Văn Q chết để lại.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng